

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2799** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **10** tháng **8** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Trảng Bom,
tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 0
tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và
Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một
số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây
dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3174/TTr-SXD
ngày 26 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới, tỷ lệ và thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Trảng Bom, có diện tích tự nhiên là 32.541 ha, với 17 đơn vị hành chính trực thuộc, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc : Giáp huyện Vĩnh Cửu và huyện Định Quán.
- Phía Nam : Giáp huyện Long Thành.
- Phía Đông : Giáp huyện Thống Nhất
- Phía Tây : Giáp thành phố Biên Hòa.

b) Giai đoạn lập quy hoạch

Giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/25.000

2. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch

a) Cụ thể hoá chủ trương phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Đồng Nai và huyện Trảng Bom, Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Đồng Nai tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của tỉnh và huyện một cách bền vững.

b) Tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

c) Định hướng tổ chức không gian toàn vùng như không gian xây dựng đô thị, nông thôn, không gian du lịch, không gian sản xuất nông nghiệp, thủy sản, không gian cảnh quan.

d) Làm cơ sở để chỉ đạo các ngành, các cấp chính quyền trong việc lập các dự án quy hoạch chuyên ngành, lập các chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển.

đ) Làm công cụ quản lý đô thị và các khu dân cư nông thôn, các khu nông nghiệp công nghệ cao, khu du lịch và hệ thống các công trình chuyên ngành, phát triển hài hòa và bền vững.

e) Cung cấp cho các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh cũng như nhân dân những thông tin cần thiết và các tiềm năng, cơ hội đầu tư, kinh doanh và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

g) Nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; củng cố quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; đảm bảo môi trường sinh thái để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

3. Tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng huyện Trảng Bom

a) Tính chất

- Là vùng phát triển công nghiệp tập trung, dịch vụ thương mại đa ngành phổ thông và cao cấp, phát triển nông nghiệp sạch công nghệ cao, vùng du lịch và dịch vụ cao cấp;

- Có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai.

b) Tiềm năng và động lực phát triển vùng

- Trảng Bom nằm ngay cửa ngõ đi vào thành phố Hồ Chí Minh, tiếp giáp với thành phố Biên Hòa; có các tuyến đường vành đai 4, Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, gần sân bay Quốc tế Long Thành, cảng Cái Mép – Thị Vải nên có lợi thế về phát triển giao thông.

- Trung tâm huyện lỵ Trảng Bom cách thành phố Biên Hòa khoảng 15 km; cách thành phố Hồ Chí Minh 40 km về phía Đông nên thuận tiện cho việc giao thương, buôn bán và đầu tư công nghiệp.

- Vùng có tiềm năng tài nguyên tự nhiên phong phú đa dạng như: Tiềm năng đất đai, khí hậu, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, khoáng sản.

- Vùng có tiềm năng phát triển công nghiệp – xây dựng; thương mại – dịch vụ; phát triển đô thị, phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với đô thị, thủy sản chất lượng cao.

- Vùng có tài nguyên du lịch văn hóa lịch sử đa dạng, du lịch cảnh quan sinh thái thác Giang Điền, thác Đá Hàn, du lịch cảnh quan hồ Sông Mỹ.

- Vùng có tốc độ đô thị hóa cao và nguồn lao động trẻ dồi dào.

4. Dự báo phát triển vùng

a) Các chỉ tiêu kinh tế xã hội

Dự báo cơ cấu kinh tế của huyện Trảng Bom:

TT	Hạng mục	Cơ cấu (%)	
		2030	2050
01	Nông, lâm nghiệp	4,0	3,0
02	Công nghiệp - xây dựng	66	59
03	Thương mại - dịch vụ - du lịch	30	38

b) Dự báo phát triển dân số

- Dân số toàn huyện:

+ Dân số hiện trạng tính đến ngày 01/4/2019: Khoảng 349.279 người.

+ Năm 2030: Khoảng 450.000 người.

+ Năm 2050: Khoảng 570.000 người.

- Dân số đô thị:

+ Năm 2030: Khoảng 345.000 người.

+ Năm 2050: Khoảng 455.000 người.

- Dân số nông thôn:

+ Năm 2030: Khoảng 105.000 người.

+ Năm 2050: Khoảng 115.000 người.

- Tốc độ đô thị hóa:

+ Năm 2030: 55,55%

+ Năm 2050: 65 - 70%.

c) Dự báo đất đai

Tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện: 32.541 ha.

- Đất xây dựng đô thị:

+ Năm 2030: 3.000 ha.

+ Năm 2050: 4.000 ha.

- Đất nông nghiệp:

+ Năm 2030: Khoảng 25.491 ha.

+ Năm 2050: Khoảng 23.491 ha.

- Đất xây dựng công nghiệp:

+ Năm 2030: Khoảng 2.000 ha.

+ Năm 2050: Khoảng 2.500 ha.

- Đất xây dựng khu dân cư nông thôn:

+ Năm 2030: Khoảng 2.250 ha.

+ Năm 2050: Khoảng 2.550 ha.

d) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2030	Năm 2050
1	Dân số toàn huyện	Người	450.000	570.000
2	Đất xây dựng đô thị	ha	3000	4000
3	Chỉ tiêu đất dân dụng	m ² /người	100 - 120	100
4	Loại đô thị	Loại		
	- Đô thị Trảng Bom		III	III
5	Chỉ tiêu cấp điện			
	- Đô thị Trảng Bom	KW/ng.năm	1.500	1.500
	- Các khu trung tâm xã	KW/hộ	0,7	0,7
	- Công nghiệp	kw/ha	50 - 350	50 - 350
	- Công cộng - Dịch vụ	kw/ha	120 - 140	120 - 140
6	Chỉ tiêu cấp nước			
	- Đô thị Trảng Bom	l/người/ngđ	120 - 180	120 - 180
	- Các khu trung tâm xã	l/người/ngđ	60 - 80	60 - 80

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2030	Năm 2050
	- Công nghiệp	m ³ /ha.ngđ	35	35
7	Chỉ tiêu thoát nước	%	100-120	100-120
	- Đô thị Trảng Bom	l/người/ngđ	80%Qc	80%Qc
	- Các khu trung tâm xã	l/người/ngđ	80%Qc	80%Qc
	- Công nghiệp	m ³ /ha.ngđ	80%Qc	80%Qc
	- Du lịch	m ³ /ha.ngđ	80%Qc	80%Qc
	- Công cộng	%Qsh	80%Qc	80%Qc
8	Chỉ tiêu rác thải	Kg/người/ng	1.3	1.3

5. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Mô hình phát triển không gian vùng

- Mô hình:

+ Mô hình phát triển theo tuyến chuỗi: Các khu đô thị dọc theo các hành lang đô thị hóa dọc các tuyến lưu thông chính, gồm khu đô thị Trảng Bom hiện hữu được mở rộng, gắn với khu đô thị Hồ Nai, khu đô thị Giang Điền và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện như: KCN Bàu Xéo, KCN Sông Mây, KCN Hồ Nai, KCN Giang Điền, CCN VLXD Hồ Nai 3, CCN Đồi 61, CCN Sông Trầu, CCN Hưng Thịnh...

+ Đô thị phát triển dựa vào thiên nhiên: Gắn vùng bảo tồn cảnh quan đặc trưng xung quanh hồ Sông Mây, vùng sinh thái dọc suối, thác Giang Điền, thác Đá Hàn.

+ Mô hình phát triển vùng huyện Trảng Bom phát triển theo mô hình trung tâm vùng, trung tâm các tiểu vùng và các trục hành lang kinh tế đô thị hướng tâm, vành đai liên kết vùng thành phố Hồ Chí Minh - Vùng Tây Nguyên - Vùng Duyên hải Nam Trung bộ.

- Cấu trúc không gian vùng:

+ Cấu trúc khung giao thông: Khung phát triển giao thông vùng huyện Trảng Bom dựa trên định hướng phát triển các trục hướng tâm, các trục vành đai đảm bảo kết nối đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong vùng thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh miền Đông Nam Bộ, vùng Tây Nguyên - Duyên hải Nam Trung bộ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc tế như sau:

- Trục hành lang hướng tâm: Quốc lộ 1, đường vành đai thành phố Biên Hòa.

- Trục hành lang đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam - Xuyên Á kết nối Đồng Nai với trung tâm thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu - Cần Thơ trung tâm Vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Campuchia.

- Hành lang trục vành đai 4 vùng thành phố Hồ Chí Minh kết nối Trảng

Bom với quốc tế qua sân bay quốc tế Long Thành và cảng trung chuyển quốc tế Cái Mép - Thị Vải.

+ Cấu trúc không gian vùng cảnh quan và không gian mở:

- Hệ thống sông hồ bao gồm: Sông Buông, hồ Trị An, hồ Sông Mây, hồ Suối Dầu, đây là hệ thống sông, hồ phục vụ cấp nước, thoát nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái đồng thời cũng tạo yếu tố bản sắc riêng cho Đồng Nai nói chung và Trảng Bom nói riêng.

- Vùng hành lang bảo vệ hồ Trị An, vùng lâm nghiệp rừng trồng, cấu trúc thành các vùng đặc trưng tập trung và đan xen giữa các Vùng đô thị - Công nghiệp tạo phát triển cân bằng của từng vùng.

- Vùng hạn chế và cấm xây dựng:

+ Cấm xây dựng trong Khu bảo tồn vùng nước ngập hồ Trị An, khu vực hành lang bảo vệ xung quanh hồ Trị An, hồ Sông Mây, hồ Suối Dầu và dọc sông Buông; khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn quan trọng của tỉnh để bảo vệ sự đa dạng sinh học, môi trường sinh thái, nguồn tài nguyên nước.

+ Hạn chế xây dựng trong vùng vành đai bảo vệ các khu đất quốc phòng, an ninh quản lý, vùng thấp trũng dọc sông Buông có nguy cơ ngập lụt do biến đổi khí hậu; các khu vực ven sông có nguy cơ sạt lở, không ổn định nền đất

b) Phân vùng kiểm soát quản lý phát triển

Trên cơ sở tổng hợp và định hướng điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Trảng Bom đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, căn cứ đặc điểm tự nhiên địa hình, địa thế, tài nguyên thiên nhiên, các cơ sở về hạ tầng kỹ thuật đặc biệt các hành lang kinh tế đô thị và mối liên hệ vùng tỉnh Đồng Nai.

Đồng thời căn cứ Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đồng Nai và định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai; đường vành đai 4 chạy xuyên qua huyện, chia huyện Trảng Bom thành 2 khu vực: phía Tây và phía Đông. Do đó, giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 huyện Trảng Bom phát triển với mô hình công nghiệp - đô thị - dịch vụ, được phân thành 2 vùng phát triển kinh tế (gồm 06 tiểu vùng) cụ thể như sau:

- Vùng phía Tây và Tây Nam: Vùng phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ

+ Vị trí quy mô: Là vùng phát triển đô thị - công nghiệp - dịch vụ (phía Tây đường vành đai 4). Bao gồm thị trấn Trảng Bom, xã Hố Nai 3, xã Bắc Sơn, xã Bình Minh, xã Quảng Tiến, xã Giang Điền, xã An Viễn, xã Đồi 61 và một phần xã Sông Trầu, một phần xã Tây Hoà; Trong đó thị trấn Trảng Bom là đô thị hạt nhân.

- Quy mô diện tích: 14.872,2 ha.

- Quy mô dân số:

Năm 2030: 261.000 - 300.000 người.

Năm 2050: 345.000 - 400.000 người.

+ Vùng phía Tây và Tây Nam được chia thành 03 tiểu vùng như sau:

- Tiểu vùng phía Tây: gồm xã Hố Nai 3, xã Bắc Sơn. Định hướng phát triển vùng đô thị công nghiệp.

- Tiểu vùng trung tâm: gồm toàn bộ thị trấn Trảng Bom tính luôn phần mở rộng, xã Bình Minh, 1 phần xã Sông Trầu. Định hướng phát triển: Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và du lịch của huyện.

- Tiểu vùng phía Nam: gồm xã Quảng Tiến, xã Giang Điền, xã Đồi 61, xã An Viễn, tính từ đường sắt Bắc Nam và đường Võ Nguyên Giáp đến ranh phía Nam của huyện Trảng Bom và đường Vành đai 4. Định hướng phát triển: đô thị công nghiệp - nông nghiệp công nghệ cao.

+ Tiềm năng thế mạnh của vùng:

- Vị trí kinh tế: Tiếp giáp thành phố Biên Hòa, huyện Long Thành. Nằm ở cực động lực tăng trưởng thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu, đường vành đai 4 vùng thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát triển vùng đô thị và đô thị hóa cao đa chức năng gắn kết với phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chuyên ngành, công nghiệp hỗ trợ.

- Phát triển các trung tâm thương mại - tài chính cấp vùng, trung tâm kho vận, tiếp vận lớn. Phát triển đầu mối giao thông của vùng và quốc gia, phát triển dịch vụ du lịch, giải trí, du lịch cảnh quan, văn hóa lịch sử.

- Nguồn nhân lực: Vùng có nguồn nhân lực lớn, có trình độ chuyên môn, được đào tạo nghề, có xu hướng tập trung tiếp nhận các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao từ trung tâm thành phố Hồ Chí Minh

- Là vùng phát triển kinh tế động lực của huyện Trảng Bom.

+ Động lực phát triển:

- Phát triển vùng đô thị, động lực phát triển kinh tế: Hình thành vùng đô thị bao gồm Đô thị Trảng Bom, đô thị Hố Nai 3, đô thị Bắc Sơn, đô thị Giang Điền. Trong đó thị trấn Trảng Bom là đô thị hạt nhân của toàn vùng.

- Phát triển các vùng công nghiệp, đầu mối hạ tầng:

Phát triển vùng công nghiệp: Phát triển các vùng công nghiệp trên địa bàn Trảng Bom với các Khu công nghiệp Sông Mây, Bàu Xéo, Hố Nai, Giang Điền; Cụm công nghiệp Hố Nai 3, Đồi 61.

Ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chuyên ngành, công nghiệp hỗ trợ, bảo đảm môi trường xanh, sạch.

- Phát triển thương mại dịch vụ, du lịch sinh thái, giải trí cao cấp:

Phát triển trung tâm thương mại - tài chính cấp vùng, trung tâm dịch vụ đào tạo - nghiên cứu khoa học, y tế chất lượng cao. Phát triển các trung tâm kho vận,

tiếp vận cấp vùng.

Phát triển dịch vụ du lịch, giải trí: Khu phức hợp giải trí, khai thác cảnh quan ven sông Buông, du lịch sinh thái, cảnh quan thiên nhiên.

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao: Phát triển nông nghiệp sạch, chất lượng cao. Hình thành các vùng trái cây, vùng cây cảnh, rau xanh, vùng cảnh quan công viên chuyên đề hoạt động sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

+ Thế mạnh của vùng:

- Là vùng đô thị và đô thị hóa cao đa chức năng gắn kết với phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chuyên ngành, công nghiệp hỗ trợ.

- Phát triển các trung tâm thương mại – tài chính cấp vùng, trung tâm kho vận, tiếp vận lớn. Phát triển đầu mối giao thông của vùng và quốc gia; phát triển dịch vụ du lịch, giải trí, du lịch cảnh quan, văn hóa lịch sử.

+ Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)		Tỷ lệ (%)	
		2030	2050	2030	2050
01	Đất nông nghiệp	2.974,44	1.487,22	20	10
02	Đất công nghiệp	4.461,66	4.461,66	30	30
03	Đất ở - thương mại - dịch vụ	7.436,10	8.923,32	50	60
	Tổng	14.872,20	14.872,20	100	100

- Vùng phía Bắc và Đông Bắc: Vùng phát triển nông lâm ngư nghiệp

+ Vị trí, quy mô: Bao gồm xã Thanh Bình, xã Cây Gáo, xã Bàu Hàm, xã Sông Thao, xã Trung Hòa, xã Đông Hòa, xã Hưng Thịnh và một phần xã Sông Trầu và xã Tây Hoà. Là vùng phát triển nông lâm ngư nghiệp và bảo tồn rừng cảnh quan, bảo vệ nguồn nước và sự đa dạng sinh học. Trong đó khu vực giáp trục Quốc lộ 1A thuộc các xã Đông Hoà, Tây Hoà, Trung Hòa là đô thị hạt nhân

- Quy mô diện tích: 17.668,8 ha.

- Quy mô dân số:

Năm 2030: 120.000 - 150.000 người.

Năm 2050: 150.000 - 170.000 người.

Trong đó:

- ✓ Dân số đô thị: 50.000 - 55.000 người.

- ✓ Dân số nông thôn: 105.000 - 115.000 người.

+ Vùng phía Bắc và Đông Bắc được chia thành 03 tiểu vùng như sau:

- Tiểu vùng phía Bắc: Gồm các xã Thanh Bình, Cây Gáo, Sông Trầu, Bàu Hàm, Sông Thao, một phần xã Tây Hoà, tính từ đường Trảng Bom - Xuân Lộc đến hồ Trị An. Định hướng phát triển là vùng phát triển nông nghiệp, sản xuất, du

lịch sinh thái.

- Tiểu vùng trung tâm: Gồm các xã: Tây Hòa, Trung Hòa, Đông Hòa, Hưng Thịnh, giới hạn đường Trảng Bom - Xuân Lộc, đường Vành đai 4, đường sắt Bắc Nam và ranh giới huyện Trảng Bom với huyện Thống Nhất. Định hướng phát triển: Dịch vụ thương mại, phục vụ cho vùng phía Đông.

- Tiểu vùng phía Nam: Gồm các xã bao gồm phần còn lại của các xã Tây Hòa, Trung Hòa, Đông Hòa, Hưng Thịnh, khu vực phía Nam đường sắt Bắc Nam. Định hướng phát triển nông nghiệp, sản xuất, chăn nuôi.

+ Tiềm năng của vùng:

- Vị trí kinh tế: Nằm phía Đông của vùng huyện Trảng Bom, tiếp giáp huyện Thống Nhất, huyện Vĩnh Cửu, tiếp giáp với hồ Trị An.

- Tài nguyên tự nhiên: Tiềm năng quỹ đất lớn thuận lợi cho phát triển nông nghiệp chuyên canh, lâm nghiệp. Đất thích hợp loại cây trồng công nghiệp, cây ăn trái. Rừng trồng sản xuất và rừng phòng hộ gắn với phát triển kinh tế. Tiềm năng cảnh quan, du lịch sinh thái. Các sông hồ cung cấp nguồn nước, thoát nước mà còn phát triển thủy sản, thủy điện. Tài nguyên du lịch sinh thái rừng cảnh quan.

- Nguồn nhân lực: Vùng có nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo nghề, khả năng tiếp nhận nguồn nhân lực từ ngoài để đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp hiện đại.

+ Động lực phát triển:

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao:

Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh như cà phê, cây ăn trái, điều, hồ tiêu.

Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ và bảo vệ môi trường.

Phát triển vùng chăn nuôi tập trung hình thức trang trại có quy mô lớn.

Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Hình thành trung tâm thương mại chợ đầu mối trao đổi tiêu thụ hàng hóa nông sản.

- Phát triển du lịch sinh thái rừng cảnh quan: Phát triển du lịch tham quan hồ Trị An, hồ Suối Đầm. Hình thành các khu du lịch văn hóa lịch sử.

- Phát triển đô thị - nông nghiệp - ngư nghiệp: Phát triển làng nghề đan lát phục vụ du lịch.

+ Thế mạnh của vùng:

Phát triển vùng nông nghiệp hàng hóa có chất lượng cao (chủ yếu vùng chuyên canh sản xuất cây ăn trái, điều, hồ tiêu); chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; Bảo tồn rừng và nguồn nước hồ Trị An.

+ Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)		Tỷ lệ (%)	
		2030	2050	2030	2050
01	Đất nông nghiệp	10.601,28	8.834,40	60	50
02	Đất công nghiệp	1.766,88	1.766,88	10	10
03	Đất ở - thương mại - dịch vụ	5.300,64	7.067,52	30	40
	Tổng	17.668,80	17.668,80	100	100

c) Định hướng phân bố không gian phát triển

- Phân bố không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện:

+ Các khu công nghiệp (KCN):

• KCN Bàu Xéo: Quy mô khoảng 499,866 ha tại xã Sông Trầu và xã Đồi 61.

• KCN Giang Điền: Quy mô khoảng 382,258 ha tại xã Giang Điền và xã An Viễn.

• KCN Hồ Nai: Quy mô khoảng 372,226 ha tại xã Hồ Nai 3 và Bắc Sơn.

• KCN Sông Mây: Quy mô khoảng 473,558 ha tại xã Bắc Sơn và Hồ Nai 3.

• KCN Bàu Xéo 2: Quy mô 380 ha.

+ Các cụm công nghiệp (CCN):

• CCN Đồi 61: Quy mô khoảng 54 ha .

• CCN Sông Trầu: Quy mô khoảng 30 ha.

• CCN Hồ Nai 3: Quy mô khoảng 53 ha tại xã Hồ Nai 3.

• CCN Hưng Thịnh: Quy mô khoảng 35 ha tại xã Hưng Thịnh.

• CCN Suối Sao: Quy mô khoảng 60 ha tại xã Hồ Nai 3

• Cụm nghề gỗ Hồ Nai 3: Quy mô khoảng 17 ha tại xã Hồ Nai 3.

• Cụm nghề gỗ Bình Minh: Quy mô khoảng 02 ha tại xã Bình Minh.

+ Khu vực phát triển dịch vụ kho bãi và công nghiệp khoảng 614,5 ha (Văn bản số 8444/UBND-KTN ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh về quy mô, ranh giới Tổng kho trung chuyển miền Đông).

- Phân bố không gian phát triển nông nghiệp:

+ Vùng nông nghiệp:

• Vùng trồng cây hằng năm: (bắp, rau màu, mía, khoai mì) diện tích khoảng 6.000 ha tại các xã: Sông Trầu, Hưng Thịnh, Đông Hòa, Trung Hòa, Tây Hòa).

• Vùng trồng cây ăn trái, cây lâu năm: Diện tích khoảng 2.700 ha (xã Thanh Bình, xã Tây Hòa, xã Trung Hòa, xã Hồ Nai, xã Bắc Sơn,).

• Vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp lâu năm như cao su, cà phê, hồ tiêu, điều: Quy mô diện tích khoảng 11.000 ha.

- Vùng trồng điều diện tích khoảng 2.900 ha. Cần thay giống mới và đầu tư thâm canh, trồng xen ca cao trong vườn điều để tăng giá trị sản xuất.

- + Vùng chăn nuôi: Hình thành vùng khuyến khích chăn nuôi diện tích khoảng 1.300 ha, chủ yếu theo hình thức trang trại tại các xã: Thanh Bình, Bàu Hàm, Sông Thao, Sông Trầu Hưng Thịnh, Trung Hòa, Đông Hòa và Cây Gáo.

- Phân bố không gian phát triển du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên:

- + Định hướng chức năng: Xác định rõ Trảng Bom là điểm du lịch trong mạng lưới du lịch toàn tỉnh Đồng Nai, thế mạnh của Trảng Bom là loại hình du lịch trong ngày, trạm dừng chân để khách tiếp tục chuyển hành trình. Cần phát huy thế mạnh của du lịch gắn với nâng cấp các dịch vụ thu hút khách du lịch lưu trú qua đêm, góp phần lớn vào phát triển kinh tế, tạo ấn tượng tốt cho khách du lịch.

- + Tổ chức phân bố:

- Kết nối phát triển các tuyến du lịch của địa phương với mạng lưới Du lịch của tỉnh, từng bước nâng cao chất lượng hạ tầng, phát triển các loại hình dịch vụ cao cấp. Tăng cường đào tạo, xây dựng đội ngũ công tác phục vụ.

- Tăng cường công tác quản lý và quảng bá du lịch.

- + Vùng du lịch chính: Chia thành 2 vùng chính:

- Vùng du lịch phía Bắc - hồ Trị An: Gồm 2 xã Thanh Bình và Cây Gáo, với tiềm năng du lịch:

Tiềm năng du lịch về cảnh quan hồ Trị An. Khu di tích căn cứ Tỉnh uỷ U1 Biên Hoà.

Tiềm năng du lịch đặc trưng trang trại, vùng nông nghiệp công nghệ cao, vườn trái cây.

Trọng tâm của vùng là du lịch sinh thái, cảnh quan hồ Trị An.

- Vùng du lịch Tây Nam: Gồm thị trấn Trảng Bom, các xã: Bắc Sơn, Bình Minh, Giang Điền, Sông Trầu, với tiềm năng du lịch:

Phát triển du lịch tâm linh, hành hương đến các điểm tôn giáo, chuỗi các nhà thờ lớn dọc đường Quốc lộ 1)...

Phát triển du lịch sinh thái như khu nghỉ dưỡng ven hồ Sông Mây, các vườn cây ăn trái, các ruộng lúa, hoa màu... cùng làng nghề (gỗ mỹ nghệ ở xã Bình Minh).

Phát triển các khu vui chơi, giải trí, mua sắm, ăn uống, nghỉ ngơi, v.v... Khu du lịch sinh thái và nuôi động vật hoang dã tại xã Bắc Sơn và xã Bình Minh, sân Golf Đồng Nai, Khu du lịch sinh thái thác Giang Điền, Khu du lịch sinh thái thác Đá Hàn,...

Trọng tâm của vùng là du lịch sinh thái kết hợp tâm linh và dịch vụ mua sắm, giải trí.

d) Định hướng phát triển đô thị Trảng Bom đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050

- Đô thị Trảng Bom giai đoạn 2021 - 2025:

+ Đô thị Trảng Bom trong quá trình chuẩn bị để trở thành thị xã vào năm 2025.

+ Đề xuất tại vùng phía Bắc huyện Trảng Bom, vị trí ngã tư Tân Lập (giao giữa đường Trảng Bom – Cây Gáo với đường ĐT 762) với hiện trạng dân cư phát triển tương đối đông, thuận lợi về giao thông kết nối liên huyện. Do đó, khu vực này sẽ hình thành thị tứ thương mại dịch vụ để phục vụ khu vực vùng nông nghiệp phía Bắc và khu vực phát triển du lịch sinh thái hồ Trị An.

- Đô thị Trảng Bom giai đoạn 2025 - 2030:

+ Định hướng: Đô thị Trảng Bom trở thành thị xã Trảng Bom giai đoạn sau năm 2025 với quy mô toàn huyện.

+ Ranh giới các phường dự kiến của thị xã Trảng Bom sau năm 2025:

Căn cứ Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về Phân loại đô thị.

Căn cứ Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Thị trấn Trảng Bom hiện hữu thêm một phần diện tích của xã Đồi 61, xã Sông Trầu và xã Quảng Tiến. Tổng diện tích là 1.571,3 ha, chia thành 2 phường theo tìm đường 30 Tháng 4 là Phường 1 và Phường 2.

Gồm 11 phường:

• Phường 1: Là phần diện tích phía Đông của thị trấn Trảng Bom hiện hữu tính từ đường 30 tháng 4.

Diện tích: 843,150 ha;

Dân số dự kiến:

✓ Đến năm 2030: 28.000 - 35.000 người;

✓ Đến năm 2050: 35.000 - 40.000 người

• Phường 2: Là phần diện tích phía Tây của thị trấn Trảng Bom hiện hữu tính từ đường 30 tháng 4.

Diện tích: 728,15 ha

Dân số dự kiến:

✓ Đến năm 2030: 30.000 - 35.000 người.

✓ Đến năm 2050: 35.000 - 40.000 người.

• Phường 3: Nâng cấp lên từ xã Bình Minh.

Diện tích: 1.447,1 ha.

Dân số dự kiến:

- ✓ Đến năm 2030: 26.000 - 30.000 người.
- ✓ Đến năm 2050: 35.000 - 40.000 người.
- Phường 4: Nâng cấp lên từ xã Bắc Sơn.

Diện tích: 2.221,1 ha.

Dân số dự kiến:

- ✓ Đến năm 2030: 75.000 - 80.000 người.
- ✓ Đến năm 2050: 85.000 - 90.000 người.
- Phường 5: Nâng cấp lên từ xã Hồ Nai 3.

Diện tích: 1.907,9 ha

Dân số dự kiến:

- ✓ Đến năm 2030: 55.000 - 60.000 người.
- ✓ Đến năm 2050: 70.000 - 80.000 người.
- Phường 6: Nâng cấp lên từ xã Đồi 61.

Diện tích: 2.540,5 ha

Dân số dự kiến:

- ✓ Đến năm 2030: 13.000 – 20.000 người.
- ✓ Đến năm 2050: 25.000 – 35.000 người.

• Phường 7: Nâng cấp lên từ xã Giang Điền và 1 phần diện tích còn lại của xã Quảng Tiến (538,4 ha).

Diện tích: 1.431 ha.

Dân số dự kiến:

- ✓ Đến năm 2030: 20.000 – 25.000 người.
- ✓ Đến năm 2050: 35.000 – 45.000 người.
- Phường 8: Nâng cấp lên từ xã An Viễn.

Diện tích: 2.211,9 ha.

Dân số dự kiến:

- ✓ Đến năm 2030: 15.000 – 20.000 người.
- ✓ Đến năm 2050: 25.000 – 30.000 người.
- Phường 9: Nâng cấp lên từ xã Tây Hoà.

Diện tích: 1.472,7 ha.

Dân số dự kiến:

- ✓ Đến năm 2030: 16.000 – 18.000 người.

✓ Đến năm 2050: 19.000 – 20.000 người.

• Phường 10: Nâng cấp lên từ xã Trung Hoà.

Diện tích: 1.494,1 ha.

Dân số dự kiến:

✓ Đến năm 2030: 13.000 – 15.000 người.

✓ Đến năm 2050: 16.000 – 18.000 người.

• Phường 11: Nâng cấp lên từ xã Đông Hoà.

Diện tích: 1.131,9 ha.

Dân số dự kiến:

✓ Đến năm 2030: 13.000 – 15.000 người.

✓ Đến năm 2050: 15.000 – 17.000 người.

- Đô thị Trảng Bom giai đoạn 2030 - 2050:

Trảng Bom được nâng cấp lên Đô thị loại III.

+ Quy mô diện tích: 32.541 ha.

+ Quy mô dân số: 450.000 – 570.000 người.

- Định hướng phát triển dân cư nông thôn:

+ Các xã nông thôn nằm về phía Đông và Đông Bắc bao gồm các xã: Thanh Bình, Cây Gáo, một phần xã Sông Trầu; Bàu Hàm, Sông Thao và Hưng Thịnh. Cụ thể như sau:

• Xã Sông Trầu:

Diện tích tự nhiên (là phần diện tích còn lại của xã Sông Trầu sau khi tách 433 ha nhập vào thị trấn Trảng Bom): 3.862,5 ha.

Dân số dự kiến:

✓ Đến năm 2030: 25.000 – 27.000 người.

✓ Đến năm 2050: 27.000 – 29.000 người.

Dân cư trên địa bàn xã tập trung chủ yếu dọc theo tuyến đường Trảng Bom - Cây Gáo và các tuyến đường xã và nội ấp. Toàn xã quy hoạch 04 điểm dân cư tập trung.

• Xã Thanh Bình:

Diện tích tự nhiên: 2.919,2 ha.

Dân số dự kiến:

✓ Đến năm 2030: 15.000 – 17.000 người.

✓ Đến năm 2050: 17.000 – 19.000 người.

Dân cư chủ yếu tập trung ở khu vực ấp Trung Tâm và dọc hai bên đường

Trảng Bom – Cây Gáo; ĐT 762,... Toàn xã quy hoạch 09 điểm dân cư tập trung.

- Xã Hưng Thịnh:

Diện tích tự nhiên: 1.695,9 ha.

Dân số dự kiến:

✓ Đến năm 2030: 12.000 – 14.000 người

✓ Đến năm 2050: 15.000 – 17.000 người.

Dân cư chủ yếu tập trung ở dọc theo Quốc lộ 1A, đường Hưng Long – Lộ 25, đường Sông Thao Bàu Hàm. Toàn xã quy hoạch 06 điểm dân cư tập trung.

- Xã Cây Gáo:

Diện tích tự nhiên: 1.736ha.

Dân số dự kiến:

✓ Đến năm 2030: 12.000 – 15.000 người

✓ Đến năm 2050: 16.000 – 17.000 người.

Dân cư trên địa bàn xã tập trung chủ yếu dọc theo tuyến đường Trảng Bom - Cây Gáo, đường ĐT 762. Toàn xã quy hoạch 09 điểm dân cư tập trung.

- Xã Bàu Hàm:

Diện tích tự nhiên: 2.248,4ha.

Dân số dự kiến:

✓ Đến năm 2030: 12.000 – 14.000 người.

✓ Đến năm 2050: 14.000 – 16.000 người.

Dân cư trên địa bàn xã tập trung chủ yếu tập trung ở khu vực trung tâm xã và dọc theo tuyến đường Sông Thao – Bàu Hàm, các đường trục chính trong xã. Toàn xã quy hoạch 09 điểm dân cư tập trung.

- Xã Sông Thao:

Diện tích tự nhiên: 2.649,3ha.

Dân số dự kiến:

✓ Đến năm 2030: 13.000 – 15.000 người.

✓ Đến năm 2050: 15.000 – 17.000 người.

Dân cư trên địa bàn xã tập trung chủ yếu ở khu vực trung tâm ấp Thuận Hoà, ấp Thuận Trường, ấp Thuận An và dọc hai bên đường Sông Thao – Bàu Hàm. Toàn xã quy hoạch 08 điểm dân cư tập trung.

- Đề án Xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Trảng Bom giai đoạn 2019-2020

+ Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô

thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 – 2020.

+ Ngày 02 tháng 5 năm 2019, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 4777/KH-UBND triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019 – 2020.

+ Trên địa bàn huyện Trảng Bom Hình thành 03 trung tâm hỗ trợ sản xuất tương ứng 3 vùng phát triển nông nghiệp:

- Trung tâm hỗ trợ sản xuất 1:

Vị trí: Thuộc địa bàn xã Thanh Bình, nằm dọc đường Tỉnh lộ 762 và gần các đường Tây Hòa - Cây Gáo, đường 19/5.

Diện tích: 39,33 ha.

Quy mô: Phục vụ cho khu vực sản xuất nông nghiệp phía Bắc huyện Trảng Bom: khu vực nông nghiệp xã Thanh Bình, xã Cây Gáo, xã Sông Trầu, xã Sông Thao và xã Bàu Hàm.

Chức năng: Dịch vụ kho bãi trung chuyển hàng hóa, các dịch vụ khuyến nông, tuyên truyền, dịch vụ mua bán nông cụ. Là đầu mối trung gian giữa các khu công nghiệp và khu vực nông thôn, các dịch vụ thương mại hỗ trợ sản xuất cây công nghiệp (tiêu, điều) và cây ăn quả (chuối).

- Trung tâm hỗ trợ sản xuất 2:

Vị trí: Thuộc địa bàn xã Hưng Thịnh, nằm dọc đường Hưng Long - Lộ 25, gần cụm công nghiệp Hưng Thịnh.

Diện tích: 48,13 ha.

Quy mô: Phục vụ cho khu vực sản xuất nông nghiệp phía Tây Nam huyện Trảng Bom: Khu vực nông nghiệp xã Đông Hòa, Tây Hòa, Hưng Thịnh.

Chức năng: Dịch vụ kho bãi trung chuyển hàng hóa, các dịch vụ khuyến nông, tuyên truyền, dịch vụ mua bán nông cụ, các dịch vụ thương mại hỗ trợ sản xuất cây hàng năm (lúa, hoa màu, mía).

- Trung tâm hỗ trợ sản xuất 3:

Vị trí: thuộc địa bàn xã Đồi 61, dọc đường An Viễn - Hưng Thịnh, gần cụm công nghiệp Đồi 61.

Diện tích: 54,63 ha.

Quy mô: Phục vụ cho khu vực sản xuất nông nghiệp phía Nam huyện Trảng Bom: khu vực nông nghiệp xã Đồi 61, An Viễn, Trung Hòa.

Chức năng: Dịch vụ kho bãi trung chuyển hàng hóa, các dịch vụ khuyến nông, tuyên truyền, dịch vụ mua bán nông cụ, các dịch vụ thương mại hỗ trợ sản xuất cây công nghiệp (điều).

đ) Phân bố các không gian phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

- Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo:

+ Định hướng phát triển hệ thống giáo dục - đào tạo vùng:

- Đào tạo các ngành kinh tế - xã hội.

- Phát triển các trường dạy nghề.

- Liên kết, hợp tác giáo dục, cơ sở đại học, cao đẳng với thành phố Hồ Chí Minh.

+ Dự báo mạng lưới giáo dục:

- Trường Trung học phổ thông (THPT): Nâng cấp 07 THPT hiện hữu: (Thống Nhất A, Ngô Sĩ Liên, Trần Quốc Tuấn, Bàu Hàm, Trịnh Hoài Đức, Trần Đại Nghĩa, Văn Lang) và trường phổ thông Dân tộc nội trú.

- Dự báo dân số huyện Trảng Bom năm 2030 đạt 450.000 người, đề xuất xây thêm 02 trường THPT mới để đáp ứng đủ nhu cầu xã hội, cụ thể vị trí như sau:

01 trường THPT nằm ở xã Cây Gáo (khu vực đường ĐT.762 và đường Trảng Bom - Cây Gáo).

01 trường THPT ở xã An Viễn (khu vực đường ĐT.777 và đường Bắc Sơn-Long Thành).

- Đến năm 2050, tổng số trường THPT trên địa bàn huyện phải đạt tối thiểu 14 trường.

- Trường trung cấp, dạy nghề: Chinh trang, nâng cấp các trường hiện hữu: trung tâm bồi dưỡng Chính trị, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm dạy nghề, trung tâm nghiên cứu thực nghiệm Lâm nghiệp Đông Nam Bộ, trường cao đẳng Hòa Bình - Xuân Lộc, trường trung cấp Bách Khoa Đồng Nai

- Trường đại học, cao đẳng: Trường đại học Lâm nghiệp cơ sở 2, trường cao đẳng nghề Cơ giới và thủy lợi, trường cao đẳng kinh tế - kỹ thuật VinaTex.

- Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao

+ Văn hóa:

- Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa tại thị trấn Trảng Bom thành nhà văn hóa cấp đô thị.

- Nâng cấp các nhà văn hóa tại 16 xã phường.

- Xây mới công trình cung văn hóa thiếu nhi.

- Xây mới trung tâm tổ chức sự kiện đặt tại trung tâm thị xã Trảng Bom.

+ Thể dục thể thao: Nâng cấp sân vận động huyện Trảng Bom thành khu thể thao cấp đô thị.

- Hệ thống công trình y tế:

+ Nâng cấp trung tâm y tế huyện từ 220 giường lên 300 giường

+ Nâng cấp chinh trang 17 trạm y tế xã, thị trấn hiện hữu: Trạm y tế thị trấn Trảng Bom, Hố Nai 3, Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Giang Điền, Sông

Trầu, Cây Gáo, Thanh Bình, Tây Hòa, Trung Hòa, Đông Hòa, Hưng Thịnh, Sông Thao, Bàu Hàm, Đồi 61, và trạm y tế An Viễn.

+ Không đề xuất xây thêm bệnh viện chuyên ngành lý do lân cận huyện Trảng Bom có những bệnh viện lớn của tỉnh tại thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh.

- Hệ thống thương mại, dịch vụ

+ Nâng cấp chỉnh trang 17 chợ hiện hữu trên địa bàn 17 xã và thị trấn.

+ Xây dựng thêm 07 chợ mới, gồm: chợ An Viễn, chợ chiều ấp Cây Diệp, chợ Sông Mây, chợ xã Đồi 61, chợ Hưng Thịnh, chợ Cây số 9, Bờ Hồ), nâng tổng số các chợ trên địa bàn huyện 24 chợ, trong đó 6 chợ hạng 2 và 18 chợ hạng 3.

+ Đề xuất thêm 1 trung tâm thương mại tại thị trấn Trảng Bom (theo chuẩn hạng 2), khu dịch vụ thương mại Bàu Xéo, khu dịch vụ thương mại An Viễn, khu dịch vụ thương mại Hưng Thịnh. Xây mới siêu thị Bắc Sơn 1 và siêu thị Sonadezi.

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật

- Quy hoạch nền xây dựng

+ Tại thị trấn Trảng Bom, không chế nền xây dựng của đô thị đảm bảo đô thị không bị ngập lụt, đồng thời vẫn giữ được cảnh quan thiên nhiên, tránh đào đắp nhiều và tạo điều kiện thoát nước tốt cho đô thị.

+ Cao độ khống chế cốt xây dựng cho đô thị được xác định căn cứ theo cao độ mực nước ngập lụt tính toán (Cao độ khống chế xây dựng phải cao hơn mực nước tính toán tối thiểu = 0,5 m)

+ Địa hình tự nhiên đô thị Trảng Bom có cao độ trung bình từ 57 m – 62 m. Địa hình cao, không bị ảnh hưởng ngập lụt, do đó cao độ khống chế cốt xây dựng chủ yếu theo địa hình tự nhiên, san nền cục bộ tạo hướng thoát nước là chính nhằm giảm khối lượng đào đắp và phá hủy mặt phủ tự nhiên.

+ Chọn cao độ nền xây dựng tùy thuộc vào từng khu vực cụ thể dựa vào cao độ khống chế của đường. Cao độ xây dựng từ 57 m – 62 m.

- Giải pháp san nền

+ Giải pháp san nền đối với khu vực đô thị là san nền cục bộ bám theo địa hình tự nhiên đối với các khu vực xây dựng nhằm hạn chế khối lượng đào đắp, phá vỡ mặt phủ tự nhiên.

+ Khu vực đất thấp trũng ở ven sông Buông. Giải pháp san nền đối với khu vực này là san nền cục bộ đối với các khu vực xây dựng hiện hữu, san lấp tập trung tại khu vực xây dựng mới đảm bảo cốt xây dựng lớn hơn cốt khống chế để chống ngập lụt.

+ Đối với các điểm dân cư nông thôn tại các khu vực có địa hình thấp

thường xuyên bị ngập cần phải tôn nền chống ngập nhưng chủ yếu là san đắp cục bộ khu vực xây dựng. Đối với khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san đắp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ.

b) Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống giao thông

- Giao thông đường bộ:

+ Đường Vành đai 4: Là tuyến quan trọng đi qua huyện Trảng Bom, kết nối sân bay Long Thành, cảng trung chuyển quốc tế Cái Mép. Đoạn qua Trảng Bom dài khoảng 20,3 km, quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp I - II, quy mô 6 - 8 làn xe, lộ giới 121,5 m.

+ Đường Quốc lộ 1A: Đoạn qua huyện Trảng Bom dài 20,8 km, quy hoạch chung toàn tuyến đầu tư quy mô 4 làn xe cơ giới và 2 làn xe hỗn hợp với chiều rộng nền đường 20,5 m, có dải phân cách cứng giữa hai chiều xe chạy. Đối với đoạn qua trung tâm thị trấn Trảng Bom dài 3,4 km quy hoạch như sau: Gồm tuyến chính ở giữa có chiều rộng mặt đường 16 m, lề đường và mương thoát nước mỗi bên 3 m, dải ngăn cách hai bên với đường song hành (đường gom) rộng 9 m, mặt đường song hành mỗi bên rộng 9 m, vỉa hè mỗi bên rộng 5 m, lộ giới 78 m.

+ Đường Tỉnh lộ:

- Đường tỉnh 762: Quy hoạch tuyến đạt tiêu chuẩn cấp III, lộ giới 45 m.

- Đường tỉnh 767: Quy hoạch toàn tuyến đạt cấp III, lộ giới 45 m.

- Đường tỉnh 772 (Trảng Bom - Xuân Lộc): Quy hoạch toàn tuyến đạt cấp III, nền rộng 11 m, mặt bê tông nhựa rộng 3,5 m x 2 và lề gia cố 2 m x 2, lộ giới 45 m.

- Đường tỉnh 777 (Chất Thải Rắn): Quy hoạch toàn tuyến đạt cấp III, lộ giới 45 m. Đối với đoạn đi qua thị trấn Trảng Bom được xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị với quy mô: Mặt đường bê tông nhựa, rộng 7,5 m x 2, vỉa hè rộng 5 m x 2, hành lang an toàn đường bộ rộng 10 m x 2, lộ giới 45 m.

- Đường ĐT.778 (Bắc Sơn - Long Thành): Quy hoạch toàn tuyến đạt cấp III, nền rộng 12 m, mặt bê tông nhựa nóng rộng 7 m, bề rộng phần xe thô sơ 2 m x 2, lề đất mỗi bên rộng 0,5 m x 2, lộ giới 45 m.

- Đường vành đai thành phố Biên Hoà: Là tuyến đường vành đai phía Bắc của thành phố Biên Hoà. Toàn tuyến có quy mô 4 - 6 làn xe, dải phân cách 5 m, phần đất bảo trì mỗi bên 3 m, hành lang an toàn mỗi bên 17 m, lộ giới 60 m.

+ Đường Huyện lộ: Nâng cấp và nhựa hóa các tuyến đường huyện hiện hữu đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV đồng bằng với 2 làn xe, 7 m mặt đường, 9 m nền, bao gồm:

- Đường Hưng Long - Lộ 25 dài 6,6 km;

- Đường Trảng Bom - Cây Gáo dài 18,5 km;

- Đường Thanh Bình - Dốc Mơ dài 1,7 km;

- Đường Bình Minh - Giang Điền dài 8,5 km;
- Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp dài 3,7 km;
- Đường Sông Thao - Bàu Hàm dài 7,4 km;
- Đường Hương lộ 24 dài 6,8 km;
- Đường 19 Tháng 5 dài 7,7 km;
- Đường 30 tháng 4 dài 5,7 km.

Đầu tư các tuyến đường huyện theo quy hoạch đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp IV đồng bằng với 2 làn xe, 7 m mặt đường, 9 m nền, bao gồm:

- Đường Trảng Bom - Thanh Bình dài 12,3 km;
- Đường Bàu Hàm - Cây Gáo dài 6,8 km;
- Đường Bàu Hàm - Sông Trầu dài 6,4 km;
- Đường Tây Hòa - Cây Gáo dài 10,8 km;
- Đường Tây Hòa - Trung Hòa dài 7,7 km;
- Đường An Viễn - Hưng Thịnh dài 12 km;
- Đường Thanh Bình - Tây Kim dài 1,6k m;
- Đường Bắc Sơn - Tân An dài 2,8 km.

+ Đường xã:

• Kế thừa và phát triển mạng lưới đường hiện có phù hợp với nhu cầu giao thông vận tải trước mắt và tương lai, kết nối liên hoàn với hệ thống đường quốc gia, đường tỉnh và đường huyện. Kết hợp với mạng lưới quy hoạch thủy lợi, quy hoạch dân cư và các công trình xây dựng hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

• Phát triển hệ thống giao thông nông thôn nối kết hệ thống đường tỉnh, quốc lộ tạo sự liên hoàn thuận lợi vận chuyển hàng hóa nông sản, nguyên vật liệu tại chỗ cung cấp cho sản xuất công nghiệp.

- Giao thông công cộng:

Giai đoạn 2030 - 2050, đề xuất hình thành tuyến xe buýt công cộng mục đích kết nối các khu công nghiệp trên địa bàn huyện Trảng Bom và các tuyến buýt kết nối đô thị Trảng Bom với các khu vực lân cận như: Thành phố Biên Hoà, đô thị Long Thành, đô thị Dầu Giây, đô thị Vĩnh An.

- Đường sắt:

+ Nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện đại hoá để đạt tốc độ chạy tàu bình quân đạt 80 - 90 km/h với tàu khách và 50 - 60 km/h đối với tàu hàng.

+ Xây dựng tuyến đường sắt đô thị có điểm đầu tại ga Trảng Bom, điểm cuối tại ranh xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà. Nhánh này sẽ phục vụ vận chuyển hàng hóa đến và đi của Tổng kho trung chuyển miền Đông Nam Bộ.

+ Xây dựng tuyến đường sắt Trảng Bom - Hoà Hưng (Sài Gòn): Tuyến dài

41 km, điểm đầu ga Trảng Bom thuộc xã Quang Tiến, huyện Trảng Bom; điểm cuối ga Sài Gòn. Xây dựng đoạn ga Trảng Bom đến ga Dĩ An đường sắt đôi, điện khí hoá, khổ 1.435 mm; đoạn từ ga Dĩ An đến ga Sài Gòn, đoạn đi theo hướng tuyến của đường sắt Hà Nội – thành phố Hồ Chí Minh đường sắt đôi, khổ 1.435 mm.

c) Định hướng thoát nước mưa

- Quy hoạch thoát nước mặt:

+ Đô thị Trảng Bom và các khu, cụm công nghiệp cần xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Nước mưa được thoát trực tiếp ra sông rạch, nước thải được thu gom về trạm xử lý để đảm bảo vệ sinh môi trường. Các tuyến thoát nước là hệ thống kín bằng cống tròn hoặc cống hộp.

+ Đối với các điểm dân cư xây dựng với mật độ thấp có thể xây dựng hệ thống thoát nước chung giữa nước thải và nước mưa nhưng nước thải phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại hoặc hồ sinh vật, tuy nhiên vị trí các điểm xả cần tránh nguồn cấp nước sinh hoạt, nạo vét các sông, kênh, rạch gần khu vực để thoát nước, bên cạnh đó, tăng cường nạo vét hồ ao, sông, kênh, rạch để tăng khả năng tiêu thoát nước.

+ Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống cống tròn và cống hộp BTCT. Cống được thiết kế đặt trên hè, chạy dọc theo các tuyến đường để thu nước từ công trình và mặt đường, sau đó dẫn xả ra hệ thống sông rạch trong khu vực.

- Giải pháp quy hoạch tiêu thoát nước:

+ Khu vực hiện hữu, khu trung tâm đô thị: Cải tạo các tuyến thoát nước hiện hữu từng bước thu gom nước bẩn về trạm xử lý.

+ Khu xây dựng mới với mật độ cao, các khu, cụm công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước riêng.

+ Khu vực có mật độ xây dựng thấp, tùy theo điều kiện cụ thể có thể cho phép xây dựng hệ thống thoát nước chung nhưng nước bẩn sinh hoạt phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thoát vào mạng lưới.

+ Thường xuyên nạo vét các trục tiêu chính, các sông, suối chảy qua các khu đô thị để thoát nước được dễ dàng.

+ Xây dựng các bờ kè dọc theo các sông, suối tiêu thoát nước chính đoạn qua khu đô thị để chống sạt lở bờ và hạn chế xâm lấn sông, suối.

d) Định hướng phát triển hệ thống cấp nước

- Nhu cầu cấp nước sinh hoạt:

+ Giai đoạn 2020 - 2030: 120.000 m³/ngđ.

+ Giai đoạn đến năm 2050: 180.000 m³/ngđ.

- Nguồn nước:

+ Theo quy hoạch vùng tỉnh Đồng Nai, huyện Trảng Bom được lấy nước từ mạng lưới ống cấp nước của tỉnh, chủ yếu từ nhà máy nước Thiện Tân Q30 = 300.000 m³/ngày.

+ Khu vực thị trấn được bổ sung nguồn nước từ 06 trạm bơm giếng khoan công suất 2.000 m³/ngày.

- Hệ thống cấp nước:

+ Mạng lưới cấp nước cho khu vực thiết kế theo mạng hỗn hợp, đảm bảo cấp nước an toàn và linh động.

+ Theo quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Đồng Nai và quy hoạch cấp nước thành phố Biên Hoà, mạng lưới cấp nước khu vực thiết kế được lấy nước từ tuyến ống cấp nước chính Ø 800 từ quốc lộ 1A.

+ Các tuyến ống sử dụng ống HDPE Ø200 và ống gang Ø 300 - Ø 800.

+ Tuyến ống cấp nước được bố trí dưới hè đường, nằm phía trước các công trình để thuận tiện cho việc cung cấp nước.

+ Bố trí các trụ cứu hỏa Ø 150 dọc theo mạng đường ống cấp nước, tại các vị trí ngã 3, ngã 4 đường, với bán kính phục vụ 100 m – 150 m, đảm bảo cho việc lấy nước chữa cháy dễ dàng.

đ) Định hướng phát triển hệ thống cấp điện

- Phụ tải điện: Tổng điện năng yêu cầu - Phụ tải điện toàn huyện: 1.039,94 triệu kWh/năm.

- Lưới điện:

+ Nguồn điện: Hiện nay huyện Trảng Bom được cấp điện từ các nguồn điện của hệ thống điện Quốc gia, qua các tuyến cao thế 500kV, 220kV, 110kV từ các trạm 500/220kV Sông Mỹ, Biên Hòa...

+ Tuyến trung thế:

- Điện áp chuẩn: 22kV, 3 pha.

- Đối với trung tâm khu đô thị, thị xã, thị trấn sử dụng mạch vòng vận hành hở.

- Các tuyến trục từ trạm 110kV ra có chiều dài 15 – 30 km, các nhánh chính dài 10 – 20km.

- Đường dây trên không sử dụng dây nhôm lõi thép (AC) bọc nhựa.

- Tuyến cáp ngầm dùng cáp XLPE 24kV.

- Thực hiện các phương thức bù vô công trên lưới để hệ số công suất đạt 0.92 - 0.95.

- Các tuyến trung thế là 3 pha. Các tuyến 1 pha chỉ được xây dựng cung cấp điện ánh sáng sinh hoạt cho các cụm dân cư rải rác ở nông thôn hay một số ít phụ tải 1 pha.

- Sử dụng đường dây hỗn hợp trung hạ thế để giảm vốn đầu tư.

Riêng khu vực trung tâm thị xã, thị trấn, nếu điều kiện kinh tế cho phép thì nên dùng phương thức cáp ngầm.

+ Trạm hạ thế:

- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối là 22/0,4 kV.

- Trong trung tâm khu đô thị, thị xã, thị trấn các trạm sinh hoạt nên dùng trạm tập trung đặt trong nhà, có dung lượng lớn từ 250 kVA trở lên.

- Khu vực nông thôn sử dụng trạm có dung lượng nhỏ, đặt trên trụ.

+ Lưới hạ thế:

- Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.

- Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không, và cáp XLPE 1kV ruột đồng cho cáp ngầm.

- Bán kính cấp điện của trạm hạ thế cho khu đô thị từ 300 m - 500 m và ở nông thôn từ 500 m - 800 m ở các khu dân cư tập trung.

+ Lưới điện chiếu sáng:

- Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.

- Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không, và cáp XLPE 1KV ruột đồng hoặc cáp Cu/PVC luồn trong ống PVC chôn trong đất cho các tuyến điện ngầm.

- Đèn chiếu sáng là loại đèn led tiết kiệm điện, mức độ chiếu sáng phải đạt theo tiêu chuẩn TCXDVN 259: 2001.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt:

- Theo quy hoạch vùng tỉnh Đồng Nai, nước thải tại thị trấn Trảng Bom được thu gom xử lý tập trung.

- Theo quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 đô thị Trảng Bom, nước thải khu vực thị trấn Trảng Bom được thu gom xử lý tập trung. Quy hoạch 03 trạm xử lý nước thải với tổng công suất $Q = 11.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (Trạm xử lý số 1 $Q = 6000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ thải ra suối đá, Trạm xử lý số 2 $Q = 3500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ thải ra suối, Trạm xử lý số 3 $Q = 2000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ thải ra suối). Đối với các phường dự kiến sẽ đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt tỷ lệ theo quy định

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt năm 2030: $Q_{sh} = 36.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó nước thải đô thị là $24.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Giai đoạn 2050 $Q_{sh} = 53.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó nước thải đô thị là $39.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước thải được thoát theo hệ thống cống riêng.

- Nước thải từ nhà dân, các công trình công cộng phải được xử lý bằng bể

tự hoại trước khi thải ra cống gom.

- Sử dụng cống tròn bê tông cốt thép, với các kích thước D400 – D600.
- Các tuyến cống thoát nước thải được đi dưới vỉa hè

+ Nước thải công nghiệp:

• Nước thải công nghiệp từ các xí nghiệp công nghiệp phải được xử lý đạt tiêu chuẩn cột A, QCVN 40:2011/BTNMT và Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai trước khi xả ra hệ thống thoát nước đô thị hoặc nguồn tiếp nhận.

• Hệ thống thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp tập trung là hệ thống thoát nước riêng, có trạm xử lý nước thải cho từng khu công nghiệp.

Tổng lượng nước thải công nghiệp: $Q_{cn30} = 43.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$, $Q_{cn50} = 60.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Rác thải:

+ Tổng lượng rác thải sinh hoạt năm 2030: 345 tấn/ngày, trong đó rác thải đô thị là: 243 tấn/ngày.

+ Tổng lượng rác thải sinh hoạt năm 2050: 440 tấn/ngày, trong đó rác thải đô thị là: 324 tấn/ngày.

+ Lượng rác thải công nghiệp năm 2030: 360 tấn/ngày; năm 2050: 500 tấn/ngày.

+ Theo quy hoạch vùng tỉnh Đồng Nai, rác thải sinh hoạt huyện Trảng Bom, rác thải công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại được thu gom về khu liên hiệp xử lý rác thải đã xây dựng hoàn thiện giai đoạn 1 của huyện tại ấp Nhân Hòa, xã Tây Hoà, quy mô khoảng 48,898 ha.

+ Bãi trung chuyển rác xã Thanh Bình (0,9 ha), bãi trung chuyển rác xã Bàu Hàm (0,2 ha).

- Nghĩa trang: Theo quy hoạch hệ thống nghĩa trang của tỉnh. Trên địa bàn huyện quy hoạch xây dựng mới nghĩa trang diện tích khoảng 50 ha tại xã Sông Trầu.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Định hướng quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

+ Sử dụng mạng đa dịch vụ; mở rộng mạng thông tin di động; phát triển các dịch vụ mạng thông tin di động, công nghệ thông tin thế hệ sau.

+ Tiếp tục mở rộng tận dụng các host và tổng đài vệ tinh ở những chưa có yêu cầu dịch vụ mới. Nâng cấp các tổng đài vệ tinh có giao thức ATM/IP tại những vùng mạng có nhu cầu dịch vụ mới.

+ Thiết bị truy nhập thuê bao phải có khả năng cung cấp đa dịch vụ như thoại, VoIP, Fax, truyền số liệu, thuê kênh riêng tốc độ cao, các loại hình dịch vụ băng thông rộng IP và ATM IP cho thuê bao.

- Nguồn đầu nối và truyền dẫn:

+ Nguồn thông tin liên lạc được đầu nối tại các trạm viễn thông của các nhà mạng trên địa bàn huyện.

+ Mạng truyền dẫn thể hệ mới phải được áp dụng công nghệ truyền dẫn tiên tiến, có cấu trúc đơn giản đảm bảo tính linh hoạt, độ sẵn sàng cao có khả năng ứng cứu nhanh, kịp thời khi có sự cố dễ dàng nâng cấp, mở rộng dung lượng và triển khai dịch vụ.

+ Mạng cần đảm bảo tính kế thừa, tận dụng triệt để mạng truyền dẫn hiện có, đảm bảo chất lượng truyền dẫn cho mọi hình dịch vụ.

7. Đánh giá môi trường chiến lược

a) Những vấn đề môi trường, có phạm vi tác động lớn

- Ô nhiễm không khí.

- Ô nhiễm nước mặt do nước thải sinh hoạt và sản xuất.

- Áp lực về quản lý chất thải rắn.

- Tác động của Biến đổi khí hậu.

- Bảo tồn sinh thái rừng và đa dạng sinh học.

b) Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường

- Giải pháp chung:

+ Thực hiện thu gom và xử lý rác bao gồm rác thải sinh hoạt, rác thải y tế và rác thải công nghiệp theo đúng quy định.

+ Đầu tư dây chuyền công nghệ xử lý rác đảm bảo vệ sinh môi trường theo hướng tái sử dụng, chế biến phân vi sinh và sản xuất năng lượng điện.

+ Có quy định và quy chế bảo vệ môi trường các khu khai thác, chế biến, khu du lịch; bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn.

+ Đối với các trang trại, cơ sở chăn nuôi phải xây dựng hệ thống xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

+ Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn: Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải xây dựng, chất thải xây dựng sẽ được thu gom, phân loại tái sinh tái chế, xử lý.

- Giải pháp về cơ chế chính sách:

+ Lồng ghép bảo vệ môi trường với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội hoặc đánh giá tác động môi trường chiến lược đối với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội để đảm bảo sự phát triển bền vững.

+ Xây dựng tổ chức và cơ chế quản lý tổng hợp môi trường.

+ Bắt buộc các KCN đều có trạm xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. Quan trắc chặt chẽ biến động môi trường các KCN, đảm bảo xử lý nước thải đạt theo quy định.

+ Tăng cường công tác kiểm soát, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản

của các cơ quan chức năng. Tái tạo thiên nhiên sau khi khai thác.

- Giải pháp kỹ thuật: Sử dụng chương trình quan trắc và giám sát môi trường định kỳ để kiểm soát chất lượng môi trường, tần suất quan trắc đối với các thành phần môi trường tối thiểu phải như sau:

- + Môi trường không khí - hàng quý (3 tháng một lần).
- + Môi trường đất - một năm 2 lần.
- + Chất thải rắn - hàng quý (3 tháng 1 lần).
- + Tiếng ồn - hàng quý (3 tháng 1 lần).
- + Phóng xạ và điện từ - một năm 2 lần.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Danh mục dự án đầu tư và giai đoạn thực hiện

- Giai đoạn đến năm 2025:

Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ gắn kết hạ tầng kỹ thuật cấp vùng và cấp tỉnh, đẩy nhanh quá trình đô thị hóa và hình thành đô thị (thị xã) Trảng Bom đạt đô thị loại III.

- Giai đoạn sau năm 2025 đến năm 2030:

+ Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại thị xã Trảng Bom.

+ Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ tại các phường xã trên địa bàn toàn thị xã.

+ Huy động các nguồn lực từ nhân dân, kết hợp nguồn vốn ngân sách để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn thị xã Trảng Bom.

- Giai đoạn từ năm 2030 đến năm 2050:

Tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật cấp Quốc gia và cấp khu vực.

b) Nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách.
- Nguồn vốn huy động từ các thành phần kinh tế, gồm:
 - + Nguồn vốn FDI, ODA.
 - + Nguồn vốn tín dụng nhà nước.
 - + Nguồn vốn của doanh nghiệp và của nhân dân.

9. Giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Thống nhất quy hoạch, thống nhất tập trung chỉ đạo của UBND huyện. Phân quyền rõ ràng cấp chỉ đạo thống nhất các lĩnh vực trên phạm vi toàn huyện về nghĩa vụ, quyền hạn vừa đảm bảo tính chỉ đạo tập trung vừa đảm bảo tính

dân chủ, độc lập.

b) Phối hợp các sở ban ngành của tỉnh; Xây dựng kế hoạch cho từng giai đoạn phát triển, lựa chọn ưu tiên đầu tư trọng điểm có tác dụng sức bật phát triển.

c) Kịp thời công bố, công khai quy hoạch. Lập kế hoạch để triển khai thực hiện quy hoạch vùng gồm các chương trình quảng bá, giới thiệu quy hoạch, kêu gọi đầu tư và các hoạt động đầu tư cần được thống nhất tuân thủ các vùng chức năng đã được xác lập trong quy hoạch vùng. Những hạng mục quan trọng như các tuyến giao thông chính, đầu mối hạ tầng kỹ thuật cần bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện đồng thời có cơ chế phù hợp để đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư. Thực hiện điều chỉnh các quy hoạch ngành theo các mục tiêu và chương trình của quy hoạch xây dựng vùng; đồng thời, định kỳ 5 năm cần theo dõi cập nhật, bổ sung điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng cho phù hợp với tình hình phát triển của tỉnh.

d) Rà soát các đồ án quy hoạch xây dựng và tình hình thực hiện quy hoạch xây dựng trên phạm vi toàn huyện. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện các vướng mắc để tổng hợp nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.

đ) Tổ chức lập các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung, chương trình phát triển đô thị của huyện trên cơ sở đồ án quy hoạch vùng được duyệt làm cơ sở cho các cơ quan quản lý nhà nước xác định các khu vực phát triển đô thị, lập các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo quy định.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng

Được ban hành kèm theo quy định cụ thể nguyên tắc phát triển; việc quản lý kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan khu vực đô thị và nông thôn, khu vực đặc thù,... trong phạm vi đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Trảng Bom đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom

a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch được duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; tổ chức rà soát việc lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, đề cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng huyện Trảng Bom, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư.

c) Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình điểm nhấn và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng; phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom quản lý quy hoạch xây dựng khu vực đô thị, nông thôn, các khu vực trọng điểm theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

3. Các sở ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom triển khai thực hiện cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND huyện Trảng Bom, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh Ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng (KTN);
- Lưu: VT, KTN.



Cao Tiến Dũng